**MỤC LỤC**

[Hệ thống sử dụng chuẩn kết nối RESTful APIs định dạng JSON 3](#_Toc7710811)

[1.API đăng nhập lấy phiên làm việc 3](#_Toc7710812)

[*1.1. Mô tả* 3](#_Toc7710813)

[*1.2 Dữ liệu đầu vào* 3](#_Toc7710814)

[*1.3 Dữ liệu trả về* 3](#_Toc7710815)

[2.Tạo đơn thuốc từ cơ sở khám chữa bệnh 4](#_Toc7710816)

[*2.1 Mô tả* 4](#_Toc7710817)

[*2.2 Dữ liệu đầu vào* 5](#_Toc7710818)

[*2.3 Dữ liệu trả về* 6](#_Toc7710819)

[3. Cập nhật thông tin đơn thuốc 7](#_Toc7710820)

[*3.1 Mô tả* 7](#_Toc7710821)

[*3.2 Dữ liệu đầu vào* 8](#_Toc7710822)

[*3.3 Dữ liệu trả về* 8](#_Toc7710823)

[4.Liên thông xóa đơn thuốc 9](#_Toc7710824)

[*4.1 Mô tả* 9](#_Toc7710825)

[*4.2 Dữ liệu trả về* 9](#_Toc7710826)

[5. Liên thông hóa đơn bán thuốc của cơ sở GPP 10](#_Toc7710827)

[*5.1 Mô tả* 10](#_Toc7710828)

[*5.2 Dữ liệu đầu vào* 10](#_Toc7710829)

[*5.3 Dữ liệu trả về* 12](#_Toc7710830)

[6. Liên thông cập nhật hóa đơn bán thuốc của cơ sở GPP 12](#_Toc7710831)

[*6.1 Mô tả* 12](#_Toc7710832)

[*6.2 Dữ liệu đầu vào* 13](#_Toc7710833)

[*6.3 Dữ liệu trả về* 13](#_Toc7710834)

[7. Liên thông xóa hóa đơn bán thuốc của cơ sở GPP 14](#_Toc7710835)

[*7.1 Mô tả* 14](#_Toc7710836)

[*7.2 Dữ liệu trả về* 14](#_Toc7710837)

[8. Liên thông phiếu nhập từ cơ sở GPP 15](#_Toc7710838)

[*8.1 Mô tả* 15](#_Toc7710839)

[*8.2 Dữ liệu đầu vào* 16](#_Toc7710840)

[*8.3 Dữ liệu trả về* 17](#_Toc7710841)

[9. Liên thông cập nhật phiếu nhập từ cơ sở GPP 17](#_Toc7710842)

[*9.1 Mô tả* 17](#_Toc7710843)

[*9.2 Dữ liệu đầu vào* 18](#_Toc7710844)

[*9.3 Dữ liệu trả về* 18](#_Toc7710845)

[10. Liên thông xóa phiếu nhập của cơ sở GPP 19](#_Toc7710846)

[*10.1 Mô tả* 19](#_Toc7710847)

[*10.2 Dữ liệu trả về* 19](#_Toc7710848)

[11. Liên thông phiếu xuất của cơ sở GPP 20](#_Toc7710849)

[*11.1 Mô tả* 20](#_Toc7710850)

[*11.2 Dữ liệu đầu vào* 21](#_Toc7710851)

[*11.3 Dữ liệu trả về* 21](#_Toc7710852)

[12. Liên thông cập nhật phiếu xuất của cơ sở GPP 22](#_Toc7710853)

[*12.1 Mô tả* 22](#_Toc7710854)

[*12.2 Dữ liệu đầu vào* 23](#_Toc7710855)

[*12.3 Dữ liệu trả về* 23](#_Toc7710856)

[13. Liên thông xóa phiếu xuất của cơ sở GPP 23](#_Toc7710857)

[*13.1 Mô tả* 23](#_Toc7710858)

[*13.2 Dữ liệu trả về* 24](#_Toc7710859)

[14. Thêm mới thuốc cơ sở 24](#_Toc7710860)

[*14.1 Mô tả* 24](#_Toc7710861)

[*14.2 Dữ liệu đầu vào* 25](#_Toc7710862)

[*14.3 Dữ liệu trả về* 26](#_Toc7710863)

[15. Liên thông cập nhật thuốc cơ sở 26](#_Toc7710864)

[*15.1 Mô tả* 26](#_Toc7710865)

[*15.2 Dữ liệu đầu vào* 27](#_Toc7710866)

[*15.3 Dữ liệu trả về* 28](#_Toc7710867)

[16. Liên thông xem thuốc cơ sở 28](#_Toc7710868)

[*16.1. Mô tả* 28](#_Toc7710869)

[*16.2. Dữ liệu đầu vào* 29](#_Toc7710870)

[*16.3. Dữ liệu trả về* 29](#_Toc7710871)

[17. Liên thông xóa thuốc cơ sở 30](#_Toc7710872)

[*17.1 Mô tả* 30](#_Toc7710873)

[*17.2 Dữ liệu trả về* 30](#_Toc7710874)

# Hệ thống sử dụng chuẩn kết nối RESTful APIs định dạng JSON

# 1.API đăng nhập lấy phiên làm việc

## *1.1. Mô tả*

|  |  |
| --- | --- |
| Request URL | api/tai\_khoan/dang\_nhap |
| Request Method | POST |
| Request Header | Content-Type: application/json |
| Form data | {  “usr”: { username },  “pwd”: {password }  } |

Phần mền quản lý của cơ sở gửi yêu cầu cấp phiên làm việc lên hệ thống Dược quốc gia. Hệ thống sẽ trả về Token tương ứng với phiên làm việc.

## *1.2 Dữ liệu đầu vào*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Dữ liệu đầu vào** | **Tên Field** | **Kiểu dữ liệu** | **Kích thước tối đa** | **Bắt buộc** | **Ghi chú** |
| Tên đăng nhập | usr | Chuỗi ký tự (bắt buộc) | 50 | x | Tên đăng nhập vào hệ thống, do hệ thống dược quốc gia cung cấp khi cơ sở đăng ký |
| Mật khẩu | pwd | Chuỗi ký tự (bắt buộc) | 30 | x | Mật khẩu tài khoản. |

## *1.3 Dữ liệu trả về*

- *Trường hợp lỗi:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường** | **Kết quả** |
| Header status:400 | Tên đăng nhập hoặc mật khẩu không đúng |

- *Trường hợp thành công:* Hệ thống trả về:

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường** | **Kết quả** |
| Header status | 200 |
| Header Content-Type | application/json;charset=UTF-8 |
| Json data | Trả về là một object bao gồm các thuộc tính sau:  {  token : token được sử dụng cho phiên làm việc,  token\_type: "bearer",  } |

# 2.Tạo đơn thuốc từ cơ sở khám chữa bệnh

## *2.1 Mô tả*

|  |  |
| --- | --- |
| Request URL | /api/lien\_thong/don\_thuoc |
| Request Method | POST |
| Request Header | Content-Type: application/json  Authorization: bearer {token}  Ghi chú: token lấy được ở trên hàm đăng nhập |
| Body data | {  "ma\_don\_thuoc\_co\_so\_kcb": "string",  "thong\_tin\_don\_vi": {  "ma\_co\_so\_kcb": "string",  "ten\_co\_so\_kcb": "string",  },  "thong\_tin\_benh\_nhan": {  "ma\_benh\_nhan": "string",  "ho\_ten": "string",  "tuoi ": 0,  "gioi\_tinh": 0,  "dia\_chi": "string"  },  "thong\_tin\_benh": {  "ma\_benh": "string",  "ten\_benh": "string"  },  "thong\_tin\_don\_thuoc": [  {  "ma\_thuoc": "string",  "ten\_thuoc": "string",  "don\_vi\_tinh": "string",  "ham\_luong": "string",  "duong\_dung": "string",  "lieu\_dung": "string",  "so\_dang\_ky": "string",  "so\_luong": 0  }],  "nguoi\_ke\_don": "string",  "ngay\_ke\_don": "string",  } |

## *2.2 Dữ liệu đầu vào*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Kích thước tối đa** | **Bắt buộc** | **Ghi chú** |
| ma\_don\_thuoc\_co\_so\_kcb | Chuỗi ký tự | 50 |  | Mã đơn thuốc của cơ sở khám chữa bệnh kê đơn |
| ma\_co\_so\_kcb | Chuỗi ký tự | 20 | x | Mã cơ sở khám chữa bệnh theo BHXH |
| ten\_co\_so\_kcb | Chuỗi ký tự | 100 | x | Tên cơ sở khám chữa bệnh |
| ma\_khoa | Chuỗi ký tự | 20 |  | Mã khoa khám bệnh do cơ sở cấp |
| ten\_khoa | Chuỗi ký tự | 100 |  | Tên khoa khám bệnh |
| ma\_benh\_nhan | Chuỗi ký tự | 50 |  | Mã bệnh nhân do cơ sở kcb cấp |
| ho\_ten | Chuỗi ký tự | 50 | x | Họ tên bệnh nhân |
| tuoi\_benh\_nhan | Số | 3 | x |  |
| gioi\_tinh | Số | 1 |  | Giới tính. Nam - 1, Nữ - 2, Khác - 3 |
| can\_nang | Số thập phân |  |  | Cân nặng đơn vị Kg. Nếu cân có phần lể thì dùng chấm “.” để phân tách phần thập phân và phần nghìn |
| chieu\_cao | Số |  |  | Chiều cao đơn vị là cm. |
| dia\_chi | Chuỗi ký tự | 255 | x | Địa chỉ nơi ở của bệnh nhân |
| ma\_benh | Chuỗi ký tự | 15 | x | Mã bệnh ICD10 |
| ten\_benh | Chuỗi ký tự | n | x | Tên bệnh, Ghi đầy đủ chẩn đoán theo hồ sơ bệnh án |
| ma\_thuoc | Chuỗi ký tự | 50 | x | Mã thuốc do hệ thống Dược quốc gia cung cấp |
| ten\_thuoc | Chuỗi ký tự | 200 | x | Tên thuốc |
| don\_vi\_tinh | Chuỗi ký tự | 50 | x | Tên đơn vị tính của thuốc |
| ham\_luong | Chuỗi ký tự | 500 | x | Hàm lượng hoạt chất chính |
| duong\_dung | Chuỗi ký tự | 200 | x | Đường dùng |
| lieu\_dung | Chuỗi ký tự | 200 | x | Liều dùng |
| so\_dang\_ky | Chuỗi ký tự | 50 | x | Số đăng ký của thuốc |
| so\_luong | Số |  | x | Số lượng thuốc theo đơn vị tính |
| nguoi\_ke\_don | Chuỗi ký tự | 50 | x | Người kê đơn thuốc |
| ngay\_ke\_don | Chuỗi ký tự | 12 | x | Ngày kê đơn. Định dạng yyyyMMddHHmm |

## *2.3 Dữ liệu trả về*

- *Trường hợp lỗi:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường** | **Kết quả** |
| Header status:401 | Tài khoản chưa xác thực  {  code :401,  mess : "Chưa xác thực tài khoản"  } |
| Header status:400 | Đầu vào chưa hợp lệ:  + Mã cơ sở khám chữa bệnh không để trống  + Tài khoản không có quyền truy cập  + Mã cơ sở khám chữa bệnh sai  + Đã tồn tại đơn thuốc |

- *Trường hợp thành công*: Hệ thống trả về:

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường** | **Kết quả** |
| Header status | 200 |
| Header Content-Type | application/json;charset=UTF-8 |
| Json data | Trả về là một object bao gồm các thuộc tính sau:  {  Code: 200,  mess : "Tạo đơn thuốc thành công",  ma\_don\_thuoc\_quoc\_gia : mã đơn thuốc trên hệ thống Dược quốc gia  } |

# 3. Cập nhật thông tin đơn thuốc

## *3.1 Mô tả*

|  |  |
| --- | --- |
| Request URL | /api/lien\_thong/don\_thuoc |
| Request Method | PUT |
| Request Header | Content-Type: application/json  Authorization: bearer {token}  Ghi chú: token lấy được ở trên hàm đăng nhập |
| Body data | {  "ma\_don\_thuoc\_co\_so\_kcb": "string",  "thong\_tin\_don\_vi": {  "ma\_co\_so\_kcb": "string",  "ten\_co\_so\_kcb": "string",  },  "thong\_tin\_benh\_nhan": {  "ma\_benh\_nhan": "string",  "ho\_ten": "string",  "tuoi ": 0,  "gioi\_tinh": 0,  "dia\_chi": "string"  },  "thong\_tin\_benh": {  "ma\_benh": "string",  "ten\_benh": "string"  },  "thong\_tin\_don\_thuoc": [  {  "ma\_thuoc": "string",  "ten\_thuoc": "string",  "don\_vi\_tinh": "string",  "ham\_luong": "string",  "duong\_dung": "string",  "lieu\_dung": "string",  "so\_dang\_ky": "string",  "so\_luong": 0  }],  "nguoi\_ke\_don": "string",  "ngay\_ke\_don": "string"  } |

## *3.2 Dữ liệu đầu vào*

Xem chi tiết mục 2.2

## *3.3 Dữ liệu trả về*

- *Trường hợp lỗi:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường** | **Kết quả** |
| Header status:401 | Tài khoản chưa xác thực  {  code :401,  mess : "Chưa xác thực tài khoản"  } |
| Header status:404 | Không tồn tại đơn thuốc trên hệ thống |

*- Trường hợp thành công:* Hệ thống trả về:

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường** | **Kết quả** |
| Header status | 200 |
| Header Content-Type | application/json;charset=UTF-8 |
| Json data | Trả về là một object bao gồm các thuộc tính sau:  {  Code: 200,  mess : "Cập nhật đơn thuốc thành công ",  ma\_don\_thuoc\_quoc\_gia : mã đơn thuốc trên hệ thống Dược quốc gia  } |

# 4.Liên thông xóa đơn thuốc

## *4.1 Mô tả*

|  |  |
| --- | --- |
| Request URL | /api/lien\_thong/don\_thuoc/{ma\_co\_so}/{ma\_don\_thuoc } |
| Request Method | DELETE |
| Request Header | Content-Type: application/json  Authorization: bearer {token}  Ghi chú: token lấy được ở trên hàm đăng nhập |
| Request data | ma\_co\_so: Mã cơ sở khám chữa bệnh theo Bảo hiểm y tế  ma\_don\_thuoc: Mã đơn thuốc do cơ sở khám chữa bệnh cấp |

## *4.2 Dữ liệu trả về*

- *Trường hợp lỗi:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường** | **Kết quả** |
| Header status:401 | Tài khoản chưa xác thực  {  code :401,  mess : "Chưa xác thực tài khoản"  } |
| Header status:404 | Không tồn tại đơn thuốc |

- *Trường hợp thành công*:Hệ thống trả về:

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường** | **Kết quả** |
| Header status | 200 |
| Header Content-Type | application/json;charset=UTF-8 |
| Json data | Trả về là một object bao gồm các thuộc tính sau:  {  code: 200,  mess : "Xóa thành công"  } |

# 5. Liên thông hóa đơn bán thuốc của cơ sở GPP

## *5.1 Mô tả*

|  |  |
| --- | --- |
| Request URL | /api/lien\_thong/hoa\_don |
| Request Method | POST |
| Request Header | Content-Type: application/json  Authorization: bearer {token}  Ghi chú: token lấy được ở trên hàm đăng nhập |
| Body data | {  " ma\_hoa\_don": "string",  "ma\_co\_so": "string",  "ma\_don\_thuoc\_quoc\_gia": "string",  "ngay\_ban": "string",  "ho\_ten\_nguoi\_ban": "string",  "ho\_ten\_khach\_hang": "string",  "hoa\_don\_chi\_tiet": [  {  "ma\_thuoc": "string",  "ten\_thuoc": "string",  "so\_lo": "string",  "ngay\_san\_xuat": "string",  "han\_dung": "string",  "don\_vi\_tinh": "string",  "ham\_luong": "string",  "duong\_dung": "string",  "lieu\_dung": "string",  "so\_dang\_ky": "string",  "so\_luong": 0,  "don\_gia": 0,  "thanh\_tien": 0,  "ty\_le\_quy\_doi": 0  }  ]  } |

## *5.2 Dữ liệu đầu vào*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên Field** | **Kiểu dữ liệu** | **Kích thước tối đa** | **Bắt buộc** | **Ghi chú** |
| ma\_hoa\_don | Chuỗi ký tự | 50 | x | Mã hóa đơn của cơ sở |
| ma\_co\_so | Chuỗi ký tự | 50 | x | Mã cơ sở GPP do hệ thống Dược quốc gia cấp |
| ma\_don\_thuoc\_quoc\_gia | Chuỗi ký tự | 50 |  | Mã đơn thuốc bán theo hóa đơn mua thuốc |
| ngay\_ban | Chuỗi ký tự | 12 | x | Ngày bán. Định dạng: yyyyMMdd |
| ho\_ten\_nguoi\_ban | Chuỗi ký tự | 50 |  | Họ tên người bán |
| ho\_ten\_khach\_hang | Chuỗi ký tự | 50 |  | Họ tên khách mua thuốc |
| ma\_thuoc | Chuỗi ký tự | 50 | x | Mã thuốc do hệ thống Dược quốc gia cung cấp |
| ten\_thuoc | Chuỗi ký tự | 500 | x | Tên thuốc |
| so\_lo | Chuỗi ký tự | 50 | x | Số lô của thuốc |
| ngay\_san\_xuat | Chuỗi ký tự | 12 |  | Ngày sản xuất thuốc. Định dạng: yyyyMMdd |
| han\_dung | Chuỗi ký tự | 12 | x | Hạn dung thuốc. Định dạng: yyyyMMdd |
| don\_vi\_tinh | Chuỗi ký tự | 50 | x | Tên đơn vị tính của thuốc |
| ham\_luong | Chuỗi ký tự | 500 | x | Hàm lượng hoạt chất chính |
| so\_luong | Số |  | x | Số lượng thuốc theo đơn vị tính |
| don\_gia | Số |  | x | Đơn giá thuốc |
| thanh\_tien | Số |  | x | Thành tiền |
| ty\_le\_quy\_doi | Số |  | x | Tỷ lệ quy đổi từ đơn vị tính nhập ở trên so với đơn vị cơ bản |
| lieu\_dung | Chuỗi ký tự | n | x | Liều dùng |
| duong\_dung | Chuỗi ký tự | 200 |  | Đường dùng |

## *5.3 Dữ liệu trả về*

- *Trường hợp lỗi:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường** | **Kết quả** |
| Header status:401 | Tài khoản chưa xác thực |
| Header status:400 | Đầu vào chưa hợp lệ:  + Mã cơ sở không chính xác  + Ngày bán không đúng đinh dạng yyyyMMdd hoặc yyyyMMddHHmm |

- *Trường hợp thành công*: Hệ thống trả về:

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường** | **Kết quả** |
| Header status | 200 |
| Header Content-Type | application/json;charset=UTF-8 |
| Json data | Trả về là một object bao gồm các thuộc tính sau:  {  ma\_hoa\_don : Mã hóa đơn trên hệ thống Dược quốc gia,  code : 200,  mess : "Thành công",  } |

# 6. Liên thông cập nhật hóa đơn bán thuốc của cơ sở GPP

## *6.1 Mô tả*

|  |  |
| --- | --- |
| Request URL | /api/lien\_thong/hoa\_don |
| Request Method | PUT |
| Request Header | Content-Type: application/json  Authorization: bearer {token}  Ghi chú: token lấy được ở trên hàm đăng nhập |
| Body data | {  " ma\_hoa\_don ": "string",  "ma\_co\_so ": "string",  "ma\_don\_thuoc\_quoc\_gia": "string",  "ngay\_ban": "string",  "ho\_ten\_nguoi\_ban": "string",  "ho\_ten\_khach\_hang": "string",  "hoa\_don\_chi\_tiet": [  {  "ma\_thuoc": "string",  "ten\_thuoc": "string",  "so\_lo": "string",  "ngay\_san\_xuat": "string",  "han\_dung": "string",  "don\_vi\_tinh": "string",  "ham\_luong": "string",  "duong\_dung": "string",  "lieu\_dung": "string",  "so\_dang\_ky": "string",  "so\_luong": 0,  "don\_gia": 0,  "thanh\_tien": 0,  "ty\_le\_quy\_doi": 0  }  ]  } |

## *6.2 Dữ liệu đầu vào*

- Chi tiết tại 5.2

## *6.3 Dữ liệu trả về*

- *Trường hợp lỗi*:

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường** | **Kết quả** |
| Header status:401 | Tài khoản chưa xác thực |
| Header status:400 | Đầu vào chưa hợp lệ:  + Mã cơ sở không chính xác  + Ngày bán không đúng đinh dạng yyyyMMdd hoặc yyyyMMddHHmm |
| Header status:404 | Không tồn tại hóa đơn |

- *Trường hợp thành công*: Hệ thống trả về:

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường** | **Kết quả** |
| Header status | 200 |
| Header Content-Type | application/json;charset=UTF-8 |
| Json data | Trả về là một object bao gồm các thuộc tính sau:  {  ma\_hoa\_don : Mã hóa đơn trên hệ thống Dược quốc gia,  code : 200,  mess : "Thành công",  } |

# 7. Liên thông xóa hóa đơn bán thuốc của cơ sở GPP

## *7.1 Mô tả*

|  |  |
| --- | --- |
| Request URL | /api/lien\_thong/hoa\_don/{ma\_co\_so}/{ma\_hoa\_don\_co\_so} |
| Request Method | DELETE |
| Request Header | Content-Type: application/json  Authorization: bearer {token}  Ghi chú: token lấy được ở trên hàm đăng nhập |
| Request data | ma\_co\_so: Mã cơ sở Gpp trên hệ thống Dược quốc gia  ma\_hoa\_don\_co\_so: Mã đơn thuốc trên hệ thống quốc gia |

## *7.2 Dữ liệu trả về*

- *Trường hợp lỗi:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường** | **Kết quả** |
| Header status:401 | Tài khoản chưa xác thực  {  code :401,  mess : "Chưa xác thực tài khoản"  } |
| Header status:404 | Không tồn tại đơn thuốc |

- *Trường hợp thành công*: Hệ thống trả về:

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường** | **Kết quả** |
| Header status | 200 |
| Header Content-Type | application/json;charset=UTF-8 |
| Json data | Trả về là một object bao gồm các thuộc tính sau:  {  code: 200,  mess : " Xóa thông tin thành công"  } |

# 8. Liên thông phiếu nhập từ cơ sở GPP

## *8.1 Mô tả*

|  |  |
| --- | --- |
| Request URL | /api/lien\_thong /phieu\_nhap |
| Request Method | POST |
| Request Header | Content-Type: application/json  Authorization: bearer {token}  Ghi chú: token lấy được ở trên hàm đăng nhập |
| Body data | {  "ma\_phieu": "string",  "ma\_co\_so": "string",  "ngay\_nhap": "string",  "loai\_phieu\_nhap": 0,  "ghi\_chu": "string",  "ten\_co\_so\_cung\_cap": "string",  "chi\_tiet": [  {  "ma\_thuoc": "string",  "ten\_thuoc": "string",  "so\_lo": "string",  "ngay\_san\_xuat": "string",  "han\_dung": "string",  "so\_dklh": "string",  "so\_luong": 0,  "don\_gia": 0,  "don\_vi\_tinh": "string",  }  ]  } |

## *8.2 Dữ liệu đầu vào*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên Field** | **Kiểu dữ liệu** | **Kích thước tối đa** | **Bắt buộc** | **Ghi chú** |
| ma\_phieu | Chuỗi ký tự | 50 | x | Mã phiếu nhập cơ sở GPP |
| ma\_co\_so | Chuỗi ký tự | 50 | x | Mã cơ sở GPP do hệ thống Dược quốc gia cấp |
| ngay\_nhap | Chuỗi ký tự | 12 | x | Ngày nhập. Định dạng: yyyyMMdd |
| loai\_phieu\_nhap | Số |  | x | 1: Nhập từ nhà cung cấp  2: Khách trả  3: Nhập tồn |
| ghi\_chu | Chuỗi ký tự | 500 |  | Ghi chú |
| ten\_co\_so\_cung\_cap | Chuỗi ký tự | 500 |  | Tên cơ sở cung cấp thuốc (Nếu là phiếu nhập từ nhà cung cấp). |
| ma\_thuoc | Chuỗi ký tự | 50 | x | Mã thuốc do hệ thống Dược quốc gia cung cấp |
| ten\_thuoc | Chuỗi ký tự | 500 | x | Tên thuốc |
| so\_lo | Chuỗi ký tự | 50 | x | Số lô thuốc |
| ngay\_san\_xuat | Chuỗi ký tự | 12 |  | Ngày sản xuất thuốc. Định dạng: yyyyMMdd |
| han\_dung | Chuỗi ký tự | 12 | x | Hạn dung thuốc. Định dạng: yyyyMMdd |
| so\_dklh | Chuỗi ký tự | 50 | x | Số đăng ký lưu hành của thuốc |
| so\_luong | Số |  | x | Số lượng thuốc quy ra đơn vị tính nhỏ nhất |
| don\_gia | Số |  |  | Đơn giá thuốc |
| don\_vi\_tinh | Chuỗi ký tự | 200 | x | Tên đơn vị tính nhỏ nhất của thuốc |

## *8.3 Dữ liệu trả về*

- *Trường hợp lỗi*:

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường** | **Kết quả** |
| Header status:401 | Tài khoản chưa xác thực  {  code :401,  mess : "Chưa xác thực tài khoản"  } |
| Header status:400 | Đầu vào chưa hợp lệ:  + Ngày nhập không đúng định dạng yyyyMMdd  + Mã cơ sở không chính xác  + Mã phiếu để trống  + Hạn dùng không đúng định dạng yyyyMMdd |

- *Trường hợp thành công*: Hệ thống trả về:

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường** | **Kết quả** |
| Header status | 200 |
| Header Content-Type | application/json;charset=UTF-8 |
| Json data | Trả về là một string là mã phiếu nhập trên hệ thống quốc gia |

# 9. Liên thông cập nhật phiếu nhập từ cơ sở GPP

## *9.1 Mô tả*

|  |  |
| --- | --- |
| Request URL | /api/lien\_thong/phieu\_nhap |
| Request Method | PUT |
| Request Header | Content-Type: application/json  Authorization: bearer {token}  Ghi chú: token lấy được ở trên hàm đăng nhập |
| Body data | {  "ma\_phieu": "string",  "ma\_co\_so": "string",  "ngay\_nhap": "string",  "loai\_phieu\_nhap": 0,  "ghi\_chu": "string",  "ten\_co\_so\_cung\_cap": "string",  "chi\_tiet": [  {  "ma\_thuoc": "string",  "ten\_thuoc": "string",  "so\_lo": "string",  "ngay\_san\_xuat": "string",  "han\_dung": "string",  "so\_dklh": "string",  "so\_luong": 0,  "don\_gia": 0,  "don\_vi\_tinh": "string",  }  ]  } |

## *9.2 Dữ liệu đầu vào*

- Xem chi tiết tại 8.2

## *9.3 Dữ liệu trả về*

- *Trường hợp lỗi*:

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường** | **Kết quả** |
| Header status:401 | Tài khoản chưa xác thực  {  code :401,  mess : "Chưa xác thực tài khoản"  } |
| Header status:400 | Đầu vào chưa hợp lệ:  + Ngày nhập không đúng định dạng yyyyMMdd  + Mã cơ sở không chính xác  + Mã phiếu để trống  + Hạn dùng không đúng định dạng yyyyMMdd |

- *Trường hợp thành công*: Hệ thống trả về:

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường** | **Kết quả** |
| Header status | 200 |
| Header Content-Type | application/json;charset=UTF-8 |
| Json data | Trả về là một string là mã phiếu nhập trên hệ thống quốc gia |

# 10. Liên thông xóa phiếu nhập của cơ sở GPP

## *10.1 Mô tả*

|  |  |
| --- | --- |
| Request URL | /api/lien\_thong/phieu\_nhap/{ma\_co\_so}/{ma\_phieu} |
| Request Method | DELETE |
| Request Header | Content-Type: application/json  Authorization: bearer {token}  Ghi chú: token lấy được ở trên hàm đăng nhập |
| Request data | ma\_co\_so: Mã cơ sở Gpp trên hệ thống Dược quốc gia  ma\_phieu: Mã phiếu nhập cơ sở |

## *10.2 Dữ liệu trả về*

**-** *Trường hợp lỗi:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường** | **Kết quả** |
| Header status:401 | Tài khoản chưa xác thực  {  code :401,  mess : "Chưa xác thực tài khoản"  } |
| Header status:404 | Không tồn tại phiếu nhập |

- *Trường hợp thành công*:Hệ thống trả về:

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường** | **Kết quả** |
| Header status | 200 |
| Header Content-Type | application/json;charset=UTF-8 |
| Json data | Trả về là một object bao gồm các thuộc tính sau:  {  code: 200,  mess : " Xóa thông tin thành công"  } |

# 11. Liên thông phiếu xuất của cơ sở GPP

## *11.1 Mô tả*

|  |  |
| --- | --- |
| Request URL | /api/lien\_thong/phieu\_xuat |
| Request Method | POST |
| Request Header | Content-Type: application/json  Authorization: bearer {token}  Ghi chú: token lấy được ở trên hàm đăng nhập |
| Body data | {  "ma\_phieu": "string",  "ma\_co\_so": "string",  "ngay\_xuat": "string",  "loai\_phieu\_xuat": 0,  "ghi\_chu": "string",  "ten\_co\_so\_nhan": "string",  "chi\_tiet": [  {  "ma\_thuoc": "string",  "ten\_thuoc": "string",  "so\_lo": "string",  "ngay\_san\_xuat": "string",  "han\_dung": "string",  "so\_dklh": "string",  "so\_luong": 0,  "don\_gia": 0,  "don\_vi\_tinh": "string",  }  ]  } |

## *11.2 Dữ liệu đầu vào*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên Field** | **Kiểu dữ liệu** | **Kích thước tối đa** | **Bắt buộc** | **Ghi chú** |
| ma\_phieu | Chuỗi ký tự | 50 | x | Mã phiếu nhập cơ sở GPP |
| ma\_co\_so | Chuỗi ký tự | 50 | x | Mã cơ sở GPP do hệ thống Dược quốc gia cấp |
| ngay\_xuat | Chuỗi ký tự | 12 | x | Ngày xuất. Định dạng: yyyyMMdd |
| loai\_phieu\_xuat | Số |  | x | 2: Xuất trả nhà cung cấp  3: Xuất hủy |
| ghi\_chu | Chuỗi ký tự | 500 | x | Ghi chú |
| ten\_co\_so\_nhan | Chuỗi ký tự | 500 |  | Tên cơ sở nhận. |
| ma\_thuoc | Chuỗi ký tự | 50 | x | Mã thuốc do hệ thống Dược quốc gia cung cấp |
| ten\_thuoc | Chuỗi ký tự | 500 | x | Tên thuốc |
| so\_lo | Chuỗi ký tự | 50 | x | Số lô thuốc |
| ngay\_san\_xuat | Chuỗi ký tự | 12 |  | Ngày sản xuất thuốc. Định dạng: yyyyMMdd |
| han\_dung | Chuỗi ký tự | 12 | x | Hạn dung thuốc. Định dạng: yyyyMMdd |
| so\_dklh | Chuỗi ký tự | 50 | x | Số đăng ký lưu hành của thuốc |
| so\_luong | Số |  | x | Số lượng thuốc quy ra đơn vị tính nhỏ nhất |
| don\_gia | Số |  | x | Đơn giá thuốc |
| don\_vi\_tinh | Chuỗi ký tự | 200 | x | Tên đơn vị tính nhỏ nhất của thuốc |

## *11.3 Dữ liệu trả về*

***- Trường hợp lỗi****:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường** | **Kết quả** |
| Header status:401 | Tài khoản chưa xác thực  {  code :401,  mess : “Chưa xác thực tài khoản”  } |
| Header status:400 | Đầu vào chưa hợp lệ:  + Ngày xuất không đúng định dạng yyyyMMdd  + Mã cơ sở không chính xác  + Mã phiếu để trống  + Hạn ung không đúng định dạng yyyyMMdd |

- *Trường hợp thành công:* Hệ thống trả về:

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường** | **Kết quả** |
| Header status | 200 |
| Header Content-Type | application/json;charset=UTF-8 |
| Json data | Trả về là một string là mã phiếu xuất trên hệ thống quốc gia |

# 12. Liên thông cập nhật phiếu xuất của cơ sở GPP

## *12.1 Mô tả*

|  |  |
| --- | --- |
| Request URL | /api/lien\_thong/phieu\_xuat |
| Request Method | PUT |
| Request Header | Content-Type: application/json  Authorization: bearer {token}  Ghi chú: token lấy được ở trên hàm đăng nhập |
| Body data | {  “ma\_phieu”: “string”,  “ma\_co\_so”: “string”,  “ngay\_xuat”: “string”,  “loai\_phieu\_xuat”: 0,  “ghi\_chu”: “string”,  “ten\_co\_so\_nhan”: “string”,  “chi\_tiet”: [  {  “ma\_thuoc”: “string”,  “ten\_thuoc”: “string”,  “so\_lo”: “string”,  “ngay\_san\_xuat”: “string”,  “han\_dung”: “string”,  “so\_dklh”: “string”,  “so\_luong”: 0,  “don\_gia”: 0,  “don\_vi\_tinh”: “string”,  }  ]  } |

## *12.2 Dữ liệu đầu vào*

- Xem chi tiết 11.2

## *12.3 Dữ liệu trả về*

**-** *Trường hợp lỗi*:

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường** | **Kết quả** |
| Header status:401 | Tài khoản chưa xác thực  {  code :401,  mess : "Chưa xác thực tài khoản"  } |
| Header status:400 | Đầu vào chưa hợp lệ:  + Ngày xuất không đúng định dạng yyyyMMdd  + Mã cơ sở không chính xác  + Mã phiếu để trống  + Hạn dùng không đúng định dạng yyyyMMdd |

- *Trường hợp thành công*: Hệ thống trả về:

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường** | **Kết quả** |
| Header status | 200 |
| Header Content-Type | application/json;charset=UTF-8 |
| Json data | Trả về là một string là mã phiếu nhập trên hệ thống quốc gia |

# 13. Liên thông xóa phiếu xuất của cơ sở GPP

## *13.1 Mô tả*

|  |  |
| --- | --- |
| Request URL | /api/lien\_thong/phieu\_xuat/{ma\_co\_so}/{ma\_phieu} |
| Request Method | DELETE |
| Request Header | Content-Type: application/json  Authorization: bearer {token}  Ghi chú: token lấy được ở trên hàm đăng nhập |
| Request data | ma\_co\_so: Mã cơ sở Gpp trên hệ thống Dược quốc gia  ma\_phieu: Mã phiếu xuất cơ sở |

## *13.2 Dữ liệu trả về*

- *Trường hợp lỗi:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường** | **Kết quả** |
| Header status:401 | Tài khoản chưa xác thực  {  code :401,  mess : "Chưa xác thực tài khoản"  } |
| Header status:404 | Không tồn tại phiếu xuất |

- *Trường hợp thành công*: Hệ thống trả về:

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường** | **Kết quả** |
| Header status | 200 |
| Header Content-Type | application/json;charset=UTF-8 |
| Json data | Trả về là một object bao gồm các thuộc tính sau:  {  code: 200,  mess : " Xóa thông tin thành công"  } |

# 14. Thêm mới thuốc cơ sở

## *14.1 Mô tả*

|  |  |
| --- | --- |
| Request URL | /api/lien\_thong/thuoc\_co\_so/them\_thuoc |
| Request Method | POST |
| Request Header | Content-Type: application/json  Authorization: bearer {token}  Ghi chú: token lấy được ở trên hàm đăng nhập |
| Body data | {  "ma\_co\_so": "string",  "ten\_thuoc": "string",  "so\_dang\_ky": "string",  "ten\_hoat\_chat": "string",  "ham\_luong": "string",  "dong\_goi": "string",  "hang\_san\_xuat": "string",  "nuoc\_san\_xuat": "string",  "don\_vi\_tinh": "string"  } |

## *14.2 Dữ liệu đầu vào*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Kích thước tối đa** | **Bắt buộc** | **Ghi chú** |
| ma\_co\_so | Chuỗi ký tự | 20 | x | Mã cơ sở liên thông |
| ten\_thuoc | Chuỗi ký tự | 100 | x | Tên thuốc |
| so\_dang\_ky | Chuỗi ký tự | 20 | x | Số đăng ký thuốc |
| ten\_hoat\_chat | Chuỗi ký tự | 200 | x | Tên hoạt chất ( Thuốc có nhiều hoạt chất, các hoạt chất cách nhau bằng dấu “ ; ” ) |
| ham\_luong | Chuỗi ký tự | 200 | x | Hàm lượng (Thuốc có nhiều hoạt chất, hàm lượng viết trước hoạt chất, các hoạt chất cách nhau bằng dấu “ ; ” ) |
| dong\_goi | Chuỗi ký tự | 50 | x | Đóng gói |
| hang\_san\_xuat | Chuỗi ký tự | 100 | x | Hãng sản xuất |
| nuoc\_san\_xuat | Chuỗi ký tự | 50 | x | Nước sản xuất |
| don\_vi\_tinh | Chuỗi ký tự | 100 | x | Đơn vị tính nhỏ nhất |

## *14.3 Dữ liệu trả về*

- *Trường hợp lỗi:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường** | **Kết quả** |
| Header status:401 | Tài khoản chưa xác thực  {  code :401,  mess : "Chưa xác thực tài khoản"  } |
| Header status:400 | Đầu vào chưa hợp lệ:  + Mã cơ sở không để trống  + Tài khoản không có quyền truy cập  + Mã cơ sở sai  + Thuốc đã tồn tại trên hệ thống |

- *Trường hợp thành công*: Hệ thống trả về:

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường** | **Kết quả** |
| Header status | 200 |
| Header Content-Type | application/json;charset=UTF-8 |
| Json data | Trả về là một chuỗi là mã thuốc trên hệ thống quốc gia được dùng cho liên thông |

# 15. Liên thông cập nhật thuốc cơ sở

## *15.1 Mô tả*

|  |  |
| --- | --- |
| Request URL | /api/lien\_thong/thuoc\_co\_so/cap\_nhat\_thuoc |
| Request Method | PUT |
| Request Header | Content-Type: application/json  Authorization: bearer {token}  Ghi chú: token lấy được ở trên hàm đăng nhập |
| Body data | {  "ma\_thuoc": "string",  "ma\_co\_so": "string",  "ten\_thuoc": "string",  "so\_dang\_ky": "string",  "ten\_hoat\_chat": "string",  "ham\_luong": "string",  "dong\_goi": "string",  "hang\_san\_xuat": "string",  "nuoc\_san\_xuat": "string",  "don\_vi\_tinh": "string"  } |

## *15.2 Dữ liệu đầu vào*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Kích thước tối đa** | **Bắt buộc** | **Ghi chú** |
| ma\_thuoc | Chuỗi ký tự | 50 | x | Mã thuốc do hệ thống Dược quốc gia cấp (được trả về trong hàm thêm mới) |
| ma\_co\_so | Chuỗi ký tự | 20 | x | Mã cơ sở liên thông |
| ten\_thuoc | Chuỗi ký tự | 100 | x | Tên thuốc |
| so\_dang\_ky | Chuỗi ký tự | 20 | x | Số đăng ký thuốc |
| ten\_hoat\_chat | Chuỗi ký tự | 200 | x | Tên hoạt chất ( Thuốc có nhiều hoạt chất, các hoạt chất cách nhau bằng dấu “ ; ” ) |
| ham\_luong | Chuỗi ký tự | 200 | x | Hàm lượng (Thuốc có nhiều hoạt chất, hàm lượng viết trước hoạt chất, các hoạt chất cách nhau bằng dấu “ ; ” ) |
| dong\_goi | Chuỗi ký tự | 50 | x | Đóng gói |
| hang\_san\_xuat | Chuỗi ký tự | 100 | x | Hãng sản xuất |
| nuoc\_san\_xuat | Chuỗi ký tự | 50 | x | Nước sản xuất |
| don\_vi\_tinh | Chuỗi ký tự | 100 | x | Đơn vị tính nhỏ nhất |

## *15.3 Dữ liệu trả về*

- *Trường hợp lỗi*:

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường** | **Kết quả** |
| Header status:401 | Tài khoản chưa xác thực |
| Header status:400 | Đầu vào chưa hợp lệ:  + Mã cơ sở không chính xác |
| Header status:404 | Không tồn tại thuốc trên hệ thống Dược Quốc gia |

- *Trường hợp thành công*: Hệ thống trả về:

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường** | **Kết quả** |
| Header status | 200 |
| Header Content-Type | application/json;charset=UTF-8 |
| Json data | Trả về là một chuỗi là mã thuốc trên hệ thống quốc gia được dùng cho liên thông |

# 16. Liên thông xem thuốc cơ sở

## *16.1. Mô tả*

|  |  |
| --- | --- |
| Request URL | /api/lien\_thong/thuoc\_co\_so/xem\_thuoc |
| Request Method | POST |
| Request Header | Content-Type: application/json  Authorization: bearer {token}  Ghi chú: token lấy được ở trên hàm đăng nhập |
| Body data | {  "ma\_thuoc": "string",  } |

## *16.2. Dữ liệu đầu vào*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Kích thước tối đa** | **Bắt buộc** | **Ghi chú** |
| ma\_thuoc | Chuỗi ký tự | 50 | x | Mã thuốc do hệ thống Dược quốc gia cấp (được trả về trong hàm thêm mới) |

## *16.3. Dữ liệu trả về*

- *Trường hợp lỗi*:

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường** | **Kết quả** |
| Header status:401 | Tài khoản chưa xác thực |
| Header status:400 | Đầu vào chưa hợp lệ:  + Mã thuốc không chính xác |
| Header status:404 | Không tồn tại thuốc trên hệ thống Dược Quốc gia |

- *Trường hợp thành công*: Hệ thống trả về:

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường** | **Kết quả** |
| Header status | 200 |
| Header Content-Type | application/json;charset=UTF-8 |
| Json data | Trả về là một object bao gồm các thuộc tính sau:  {  "ma\_thuoc": "string",  "ma\_co\_so": "string",  "ten\_thuoc": "string",  "so\_dang\_ky": "string",  "ten\_hoat\_chat": "string",  "ham\_luong": "string",  "dong\_goi": "string",  "hang\_san\_xuat": "string",  "nuoc\_san\_xuat": "string",  "don\_vi\_tinh": "string"  } |

# 17. Liên thông xóa thuốc cơ sở

## *17.1 Mô tả*

|  |  |
| --- | --- |
| Request URL | /api/lien\_thong/thuoc\_co\_so/xoa\_thuoc/{ma\_thuoc} |
| Request Method | DELETE |
| Request Header | Content-Type: application/json  Authorization: bearer {token}  Ghi chú: token lấy được ở trên hàm đăng nhập |
| Request data | ma\_thuoc: Mã thuốc trên hệ thống Dược quốc gia |

## *17.2 Dữ liệu trả về*

- *Trường hợp lỗi:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường** | **Kết quả** |
| Header status:401 | Tài khoản chưa xác thực  {  code :401,  mess : "Chưa xác thực tài khoản"  } |
| Header status:404 | Không tồn tại thuốc |

- *Trường hợp thành công*: Hệ thống trả về:

|  |  |
| --- | --- |
| **Trường** | **Kết quả** |
| Header status | 200 |
| Header Content-Type | application/json;charset=UTF-8 |
| Json data | Trả về là một object bao gồm các thuộc tính sau:  {  code: 200,  mess : " Xóa thuốc thành công"  } |